

Số: 463/2018/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 552/2018/TLST/HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị S, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ H, phường T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị S và anh Nguyễn Văn Đ .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị S và anh Nguyễn Văn Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung tên là Nông Nam A, sinh ngày 05/01/2017. Sau khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đ

có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nông Thị S nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006638 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên; hoàn trả chị S 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- T.H.A DS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Quý My